

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG
Địa chỉ : Lô II-1, II-2, II-3, Khu C mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc
Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại : (067) 3764 159 Fax : (067) 3763 488

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2 NĂM 2011

THÁNG 07 NĂM 2011

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2011	2 – 5
3. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2011	7 – 8
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2011	9 – 31
6. Báo cáo tài chính tóm tắt cho kỳ hoạt động giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2011	32 – 34
7. Phụ lục	35

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		614,005,604,625	711,585,229,677
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	84,840,570,444	186,441,619,295
1. Tiền		111		80,340,570,444	10,141,619,295
2. Các khoản tương đương tiền		112		4,500,000,000	176,300,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		227,039,081,890	264,864,617,369
1. Phải thu khách hàng		131	V.2	193,477,239,334	237,942,095,550
2. Trả trước cho người bán		132	V.3	20,854,356,671	18,924,696,420
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.4	21,042,209,773	8,787,003,404
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.5	(8,334,723,888)	(789,178,005)
IV. Hàng tồn kho		140		292,183,117,473	254,835,087,702
1. Hàng tồn kho		141	V.6	292,183,117,473	254,835,087,702
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		9,942,834,818	5,443,905,311
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.7	528,941,524	588,457,112
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		7,676,030,842	4,453,374,795
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.8	1,737,862,452	402,073,404

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		208,788,691,943	169,163,206,265
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		205,122,789,292	166,527,811,285
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	174,332,547,765	137,412,447,212
<i>Nguyên giá</i>	222		239,167,821,489	192,313,984,851
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(64,835,273,724)	(54,901,537,639)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	8,515,360,877	8,665,263,977
<i>Nguyên giá</i>	228		9,423,040,524	9,423,040,524
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(907,679,647)	(757,776,547)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	22,274,880,650	20,450,100,096
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,665,902,651	2,635,394,980
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	893,478,347	518,681,274
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	2,772,424,304	2,116,713,706
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		822,794,296,568	880,748,435,942

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		440,864,143,775	549,987,696,738
I. Nợ ngắn hạn	310		440,089,575,955	549,082,051,418
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	283,854,084,135	325,726,038,707
2. Phải trả người bán	312	V.15	80,966,453,331	133,340,012,884
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	2,331,717,069	54,497,391,012
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	22,797,780,734	6,384,195,058
5. Phải trả người lao động	315		478,500	-
6. Chi phí phải trả	316	V.18	28,630,933,505	27,623,938,144
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	17,669,289,028	203,300,817
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	3,838,839,653	1,307,174,796
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		774,567,820	905,645,320
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	774,567,820	905,645,320
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		381,930,152,793	330,760,739,204
I. Vốn chủ sở hữu	410		381,930,152,793	330,760,739,204
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	180,255,090,000	180,255,090,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	71,000,000,000	71,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	7,402,234,510	2,032,904,796
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	11,979,816,074	6,610,486,360
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	111,293,012,209	70,862,258,048
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		822,794,296,568	880,748,435,942

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối kỳ	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3,147,003.51	130,566.53
Euro (EUR)		14,042.75	14,042.63
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Sa Đéc, ngày 25 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Ngọc Thám
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			01/01/11 - 30/06/11	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,480,879,726,172	2,086,880,798,820
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	26,909,654,678	33,466,467,698
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,453,970,071,494	2,053,414,331,122
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,302,233,876,580	1,899,631,856,611
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		151,736,194,914	153,782,474,511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,276,892,066	2,979,847,399
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	48,747,820,707	72,594,485,566
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13,816,484,966	34,627,575,759
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6,439,433,460	9,625,388,976
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16,133,824,749	17,551,008,668
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85,692,008,064	56,991,438,700
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2,749,677,122	2,089,592,919
12. Chi phí khác	32	VI.8	4,813,736	797,212,576
13. Lợi nhuận khác	40		2,744,863,386	1,292,380,343
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		88,436,871,450	58,283,819,043
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	7,666,240,102	4,751,463,243
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(655,710,598)	(160,941,339)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		81,426,341,946	53,693,297,139
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	4,517	2,979

Sa Đéc, ngày 25 tháng 07 năm 2011


Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		88,436,871,450	58,283,819,043
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	10,083,639,185	16,345,472,534
- Các khoản dự phòng	03	V.5	7,545,545,883	789,178,005
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(433,017,831)	1,115,353,139
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	3,048,824,480	(1,409,300,749)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	13,816,484,966	34,627,575,759
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		122,498,348,133	109,752,097,731
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26,974,133,549	(70,545,383,892)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37,348,029,771)	(14,271,734,817)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(54,250,063,716)	10,357,364,247
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(315,281,485)	(7,455,184)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(13,816,484,966)	(34,535,446,581)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(2,389,172,734)	(4,724,976,270)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	VII.1	52,691,912,374	25,584,096,932
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	VII.2	(65,063,305,001)	(33,835,384,075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28,982,056,383	(12,226,821,909)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11	(35,790,435,503)	(37,072,598,350)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	340,909,091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	(3,048,824,480)	654,366,665
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38,839,259,983)	(36,077,322,594)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	458,351,025,702	1,203,015,394,200
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14, 21	(523,044,288,810)	(998,563,558,669)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(27,038,263,500)	(18,025,509,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(91,731,526,608)	186,426,326,531
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(101,588,730,208)	138,122,182,028
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	186,441,619,295	48,234,894,031
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(12,318,643)	84,543,236
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	84,840,570,444	186,441,619,295

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng

Sa Đéc, ngày 25 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, gia súc.
- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 Công ty có 540 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 560 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong quý có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (47 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Bản quyền chương trình tổ hợp khâu phân

Nguyên giá của bản quyền là toàn bộ chi phí bỏ ra để có bản quyền chương trình tổ hợp khâu phân. Bản quyền chương trình tổ hợp khâu phân được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2 năm.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Chi phí phải trả bao gồm cả khoản trích trước chiết khấu, hoa hồng bán hàng sẽ được giảm trừ trên hóa đơn cho số lượng hàng hóa đã tiêu thụ hoặc chi bằng tiền mặt.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chăn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
24.877 VND/EUR
30/06/2011 : 20.618 VND/USD
29.942 VND/EUR

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.349.527.075	329.606.956
Tiền gửi ngân hàng	76.991.043.369	9.812.012.339
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	176.300.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u>84.840.570.444</u>	<u>186.441.619.295</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây	-	52.081.290.610
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	20.979.131.939	20.776.339.548
Công ty cổ phần Hùng Vương	-	9.147.709.905
Doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến	254.867.288	200.790.030
Các khách hàng khác	172.243.240.107	155.735.965.457
Cộng	<u>193.477.239.334</u>	<u>237.942.095.550</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước nhà cung cấp tài sản cố định	17.614.326.396	18.836.495.155
Trả trước nhà cung cấp nguyên liệu	2.991.213.775	-
Trả trước các nhà cung cấp dịch vụ khác	248.816.500	88.201.265
Cộng	<u>20.854.356.671</u>	<u>18.924.696.420</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	18.089.409.936	7.537.802.717
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	720.383.000	183.768.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	887.061.667
Phải thu khác	2.232.416.837	178.371.020
Cộng	<u>21.042.209.773</u>	<u>8.787.003.404</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 2 năm.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	789.178.005
Trích lập dự phòng bổ sung	7.945.545.883
Hoàn nhập dự phòng	(400.000.000)
Số cuối kỳ	<u>8.334.723.888</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	9.975.574.613	107.651.002.469
Nguyên liệu, vật liệu	247.960.874.986	134.746.834.823
Thành phẩm	34.246.667.874	12.437.250.410
Cộng	<u>292.183.117.473</u>	<u>254.835.087.702</u>

Nguyên vật liệu bao gồm nguyên liệu, nhiên liệu, bao bì.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	231.864.059	158.555.548
Tiền thuê đất và phí hạ tầng hàng năm	278.997.231	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.080.234	429.901.564
Cộng	<u>528.941.524</u>	<u>588.457.112</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	142.200.000	59.000.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.595.662.452	343.073.404
Cộng	<u>1.737.862.452</u>	<u>402.073.404</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	71.048.826.126	101.307.314.672	16.704.703.089	3.253.140.964	192.313.984.851
Mua sắm mới	416.523.637	-	679.118.182	109.000.000	1.204.641.819
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.212.997.501	42.841.579.136	594.618.182	-	45.649.194.819
Số cuối kỳ	73.678.347.264	144.148.893.808	17.978.439.453	3.362.140.964	239.167.821.489
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	64.839.307	759.692.589	490.720.000	374.905.824	1.690.157.720
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.574.028.244	36.435.300.655	5.364.974.319	1.527.234.421	54.901.537.639
Khấu hao trong kỳ	2.373.967.938	6.446.456.885	900.218.580	213.092.682	9.933.736.085
Số cuối kỳ	13.947.996.182	42.881.757.540	6.265.192.899	1.740.327.103	64.835.273.724
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.474.797.882	64.872.014.017	11.339.728.770	1.725.906.543	137.412.447.212
Số cuối kỳ	59.730.351.082	101.267.136.268	11.713.246.554	1.621.813.861	174.332.547.765

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm quản lý tổng thể	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.847.268.524	390.522.000	185.250.000	9.423.040.524
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tặng do tặng thưởng	-	-	-	-
Số cuối kỳ	8.847.268.524	390.522.000	185.250.000	9.423.040.524
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	476.946.747	141.892.300	138.937.500	757.776.547
Khấu hao trong kỳ	87.694.650	39.052.200	23.156.250	149.903.100
Số cuối kỳ	564.641.397	180.944.500	162.093.750	907.679.647
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.370.321.777	248.629.700	46.312.500	8.665.263.977
Số cuối kỳ	8.282.627.127	209.577.500	23.156.250	8.515.360.877

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	11.134.435.492	27.450.112.965	(16.618.459.981)	(3.120.000)	21.962.968.476
XDCB dở dang	9.315.664.604	20.026.982.408	(29.030.734.838)	-	311.912.174
- Công trình Nhà máy khu C mở rộng	6.631.662.205	19.887.832.771	(26.369.459.712)	-	150.035.264
- Công trình cải tạo nồi hơi và nhà nồi hơi	1.208.028.843	116.636.364	(1.208.028.843)	-	116.636.364
- Công trình nhà kho trấu và hệ thống tải trấu nhà máy Lai Vung	1.453.246.283	-	(1.453.246.283)	-	-
- Công trình thi công phòng thí y thủy sản	22.727.273	22.513.273	-	-	45.240.546
Cộng	20.450.100.096	47.477.095.373	(45.649.194.819)	(3.120.000)	22.274.880.650

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	475.182.540	518.681.274
Chi phí khác	418.295.807	-
Cộng	893.478.347	518.681.274

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	2.116.713.706
Số phát sinh	655.710.598
Số cuối kỳ	2.772.424.304

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	283.754.084.135	325.626.038.707
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc, Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾	27.781.810.708	136.804.923.600
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An ⁽ⁱⁱ⁾	148.295.651.855	144.244.096.173
- Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	9.165.359.840
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	76.783.641.272	35.411.659.094
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM ^(iv)	30.892.980.300	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)	100.000.000	100.000.000
Cộng	283.854.084.135	325.726.038.707

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc, Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty là nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng tại Lai Vung.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay của dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng và quyền sử dụng đất tại Lô II-1, II-2, II-3, Khu C mở rộng - KCN Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng luân chuyển trong kho tại chi nhánh Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Việt Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam - chi nhánh TP.HCM để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho tại kho Sa Đéc 2, Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Việt Thắng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	325.626.038.707	458.351.025.702	22.821.308.536	(523.044.288.810)	283.754.084.135
Vay dài hạn đến hạn trả	100.000.000	-	-	-	100.000.000
Cộng	<u>325.726.038.707</u>	<u>458.351.025.702</u>	<u>22.821.308.536</u>	<u>(523.044.288.810)</u>	<u>283.854.084.135</u>

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp tài sản cố định	2.432.561.789	3.310.588.543
Phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu	75.944.933.514	128.620.836.358
Phải trả các nhà cung cấp dịch vụ khác	2.588.958.028	1.408.587.983
Cộng	<u>80.966.453.331</u>	<u>133.340.012.884</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cao Trí	10.825.195	-
Các khách hàng khác	2.320.891.874	54.497.391.012
Cộng	<u>2.331.717.069</u>	<u>54.497.391.012</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	5.342.029.557	31.242.297.518	(20.749.564.861)	15.834.762.214
Thuế xuất, nhập khẩu	-	682.362.260	(119.965.218)	562.397.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	953.728.874	7.666.240.102	(2.389.172.734)	6.230.796.242
Thuế thu nhập cá nhân	88.436.627	1.451.311.056	(1.369.922.447)	169.825.236
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	6.384.195.058	41.046.210.936	(24.632.625.260)	22.797.780.734

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	5%
Thanh lý tài sản, bao bì phế liệu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 08/UB-UĐĐT ngày 21 tháng 3 năm 2003, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 12/UB-UĐĐT ngày 16 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/UĐĐT/UBND ngày 11 tháng 7 năm 2005.

Theo các giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 3 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2004 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ dự án đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.436.871.450	58.283.819.043
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.557.939.064	3.457.661.409
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	97.994.810.514	61.741.480.452
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	96.185.500.152	58.918.605.500

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
- Thu nhập khác	1.809.310.362	2.822.874.952
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	24.498.702.629	15.435.370.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(9.618.550.015)	(5.891.860.550)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(7.213.912.512)	(4.418.895.413)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.666.240.102	5.124.614.150
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	(373.150.907)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.666.240.102	4.751.463.243

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng, khuyến mãi, hỗ trợ	893.711.994	1.429.298.454
Chiết khấu bán hàng	27.737.221.511	26.002.510.512
Chi phí lãi vay phải trả	-	92.129.178
Chi phí phải trả khác	-	100.000.000
Cộng	28.630.933.505	27.623.938.144

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	395.086.950	-
Cổ tức phải trả của năm trước	2.820.181.025	-
Phải trả khác	14.454.021.053	203.300.817
Cộng	17.669.289.028	203.300.817

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.219.742.878	805.399.457	(153.000.000)	1.872.142.335
Quỹ phúc lợi	87.431.918	1.879.265.400	-	1.966.697.318
Cộng	1.307.174.796	2.684.664.857	(153.000.000)	3.838.839.653

21. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An để đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng tại khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản (máy móc thiết bị) đã hình thành và / hoặc hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thắng tại khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	100.000.000	100.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	<u>100.000.000</u>	<u>100.000.000</u>

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	905.645.320
Số trích lập bổ sung	-
Số đã chi	(131.077.500)
Số cuối kỳ	<u>774.567.820</u>

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010</u>
Trả cổ tức năm trước	27.038.263.500	18.025.509.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	<u>27.038.263.500</u>	<u>18.025.509.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.025.509	18.025.509
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.025.509	18.025.509
- Cổ phiếu phổ thông	18.025.509	18.025.509
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.025.509	18.025.509
- Cổ phiếu phổ thông	18.025.509	18.025.509
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Tổng doanh thu	1.480.879.726.172	2.086.880.798.820
- Doanh thu bán thành phẩm	1.474.303.066.142	2.083.793.534.820
- Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	-	3.087.264.000
- Doanh thu bán nguyên liệu	6.576.660.030	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(26.909.654.678)	(33.466.467.698)
- Chiết khấu thương mại	(26.909.074.678)	(33.420.588.673)
- Giảm giá hàng bán	(580.000)	(45.879.025)
Doanh thu thuần	1.453.970.071.494	2.053.414.331.122
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.447.393.411.464	2.050.327.067.122
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ gia công	-	3.087.264.000
- Doanh thu thuần bán nguyên liệu	6.576.660.030	-

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	1.295.815.316.618	1.897.302.412.271
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	-	2.114.653.514
Giá vốn của nguyên liệu đã cung cấp	6.390.812.634	-
Chi phí hao hụt hàng tồn kho	27.747.328	214.790.826
Cộng	1.302.233.876.580	1.899.631.856.611

⁽ⁱ⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.249.435.761.604	1.787.175.628.257
Chi nhân công trực tiếp	8.923.872.887	16.437.736.559
Chi phí sản xuất chung	59.265.099.591	93.651.562.400
Tổng chi phí sản xuất	1.317.624.734.082	1.897.264.927.216
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	1.317.624.734.082	1.897.264.927.216
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(21.809.417.461)	37.485.055
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.295.815.316.618	1.897.302.412.271

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.048.824.480	1.541.428.332
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	513.196.503	629.851.655
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	279.647
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.281.853.252	806.287.765
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	433.017.831	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.000.000
Cộng	5.276.892.066	2.979.847.399

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Chi phí lãi vay	13.816.484.966	34.627.575.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.115.353.139
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.931.335.741	36.851.556.668
Cộng	48.747.820.707	72.594.485.566

5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Chi phí cho nhân viên	1.946.090.083	3.101.148.110
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6.897.728	64.314.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.572.328	239.398.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.308.752.507	3.085.852.311
Chi phí hoa hồng, hỗ trợ kỹ thuật	1.046.946.143	1.425.439.393
Chi phí khác	983.174.671	1.709.235.385
Cộng	6.439.433.460	9.625.388.976

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Chi phí cho nhân viên	4.732.373.689	8.881.076.588
Chi phí vật liệu quản lý	65.922.857	127.636.394
Chi phí đồ dùng văn phòng	270.160.967	796.679.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	732.312.572	1.479.061.448
Thuế, phí và lệ phí	4.097.500	4.337.500
Chi phí dự phòng	7.545.545.883	789.178.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.362.192.883	3.509.210.812
Chi phí khác	1.421.218.398	1.963.828.037
Cộng	16.133.824.749	17.551.008.668

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	340.909.091
Thu bán phế liệu	1.126.214.156	339.415.923
Thu từ khuyến mãi hàng mua	1.382.036.000	1.027.166.000
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	1.298.181
Thu nhập khác	241.426.966	380.803.724
Cộng	2.749.677.122	2.089.592.919

8. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán	-	473.036.674
Thuế bị phạt, bị truy thu	200.000	35.557.904
Xử lý công nợ không thu hồi	-	267.129.158
Chi phí khác	4.613.736	21.488.840
Cộng	4.813.736	797.212.576

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81.426.341.946	53.693.297.139
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	81.426.341.946	53.693.297.139
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.025.509	18.025.509
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.517	2.979

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.025.509	18.025.509
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	18.025.509	18.025.509

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.285.127.825.595	1.855.460.532.579
Chi phí nhân công	19.798.503.665	36.290.331.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.083.639.185	16.345.472.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.460.858.908	11.480.138.655
Chi phí khác	10.727.164.938	6.979.502.708
Cộng	1.340.197.992.291	1.926.555.978.374

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Thu tiền ký quỹ mở L/C nhập khẩu	52.618.118.031	21.092.012.932
Thu tiền ký quỹ thuê kho	73.794.343	-
Thu tiền ký quỹ mượn tạm nguyên liệu	-	4.492.084.000
Cộng	52.691.912.374	25.142.084.403

2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Chi tiền ký quỹ mở L/C nhập khẩu	64.193.551.001	32.703.073.166
Chi tiền ký quỹ thuê kho	182.754.000	-
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	534.000.000	406.580.909
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	153.000.000	725.730.000
Cộng	65.063.305.001	33.835.384.075

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Tiền lương	1.142.462.922	2.087.948.000
Phụ cấp	12.300.000	24.600.000
Tiền thưởng	325.846.154	254.261.539
Cộng	1.480.609.076	2.366.809.539

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty sở hữu 31,23% vốn điều lệ của Công ty
Doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến	Giám đốc của Doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến là thành viên Hội đồng quản trị và sở hữu 3,08% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH Cao Trí	Giám đốc của Công ty TNHH Cao Trí là thành viên Hội đồng quản trị và sở hữu 4,73% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH Minh Huy	Giám đốc của Công ty TNHH Minh Huy là thành viên Hội đồng quản trị và sở hữu 4,02% vốn điều lệ của Công ty
Công ty cổ phần Hùng Vương	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị và là Công ty mẹ của Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	Công ty con của Công ty cổ phần Hùng Vương
Công ty cổ phần chế biến thủy sản An Lạc	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây		
Bán thành phẩm	-	42.386.591.102
Doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến		
Bán thành phẩm	4.060.448.386	432.246.227
Mua nguyên vật liệu	43.076.504.395	59.394.999.660
Công ty TNHH Cao Trí		
Bán thành phẩm	21.639.437.061	30.436.229.749
Mua nguyên vật liệu	57.999.011.430	94.900.425.016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Năm 2010
<i>Công ty TNHH Minh Huy</i>		
Mua nguyên vật liệu	99.754.069.807	50.843.889.348
<i>Công ty cổ phần Hùng Vương</i>		
Bán thành phẩm	-	6.735.949.428
Mua nguyên vật liệu	184.248.901.338	47.443.729.426
<i>Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang</i>		
Bán thành phẩm	133.771.630.298	160.787.112.436
<i>Công ty cổ phần chế biến thủy sản An Lạc</i>		
Mua nguyên vật liệu	21.994.995.588	43.905.283.848
Tại ngày kết thúc quý 2, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối quý 2 năm nay	Năm 2010
<i>Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây</i>		
Phải thu bán hàng	-	52.081.290.610
<i>Doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến</i>		
Phải thu bán hàng	254.867.288	200.790.030
<i>Công ty TNHH Cao Trí</i>		
Phải thu bán hàng	-	-
<i>Công ty TNHH Minh Huy</i>		
Phải thu ứng trước tiền mua nguyên liệu	2.991.213.775	-
<i>Công ty cổ phần Hùng Vương</i>		
Phải thu bán hàng	-	9.147.709.905
<i>Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang</i>		
Phải thu bán hàng	20.979.131.939	20.776.339.548
Cộng nợ phải thu	24.225.213.002	82.206.130.093
<i>Doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến</i>		
Phải trả mua nguyên vật liệu	2.202.259.369	-
<i>Công ty TNHH Cao Trí</i>		
Phải trả mua nguyên vật liệu	-	-
Phải trả ứng trước tiền mua thành phẩm	10.825.195	-
<i>Công ty TNHH Minh Huy</i>		
Phải trả mua nguyên vật liệu	-	1.184.992.201

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý 2 năm nay</u>	<u>Năm 2010</u>
<i>Công ty cổ phần Hùng Vương</i>		
Phải trả mua nguyên vật liệu	43.602.944.413	46.111.236.360
<i>Công ty cổ phần chế biến thủy sản An Lạc</i>		
Phải trả mua nguyên vật liệu	1.982.897.826	427.541.400
Cộng nợ phải trả	<u>47.798.926.803</u>	<u>47.723.769.961</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất sản phẩm thức ăn cho cá nước ngọt.
- Sản xuất sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Sản xuất sản phẩm thức ăn cho cá nước ngọt</u>	<u>Sản xuất sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm</u>	<u>Gia công sản xuất thức ăn cá</u>	<u>Bán nguyên liệu</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.392.556.439.531	54.836.971.933	-	6.576.660.030	-	1.453.970.071.494
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.392.556.439.531</u>	<u>54.836.971.933</u>	<u>-</u>	<u>6.576.660.030</u>	<u>-</u>	<u>1.453.970.071.494</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	138.598.472.018	(1.033.103.843)	-	185.847.396	-	137.751.215.571
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(8.588.278.866)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất sản phẩm thức ăn cho cá nước ngọt	Sản xuất sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm	Gia công sản xuất thức ăn cá	Bán nguyên liệu	Các khoản loại trừ	Cộng
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						129.162.936.705
Doanh thu hoạt động tài chính						5.276.892.066
Chi phí tài chính						(48.747.820.707)
Thu nhập khác						2.749.677.122
Chi phí khác						(4.813.736)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(7.666.240.102)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						655.710.598
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						81.426.341.946
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	35.522.725.802	1.005.538.140	-	-	-	36.528.263.942
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	10.022.373.979	424.296.572	-	-	-	10.446.670.551
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	7.945.545.883	-	-	-	-	7.945.545.883
Năm trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.022.399.048.357	27.928.018.765	3.087.264.000		-	2.053.414.331.122
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.022.399.048.357	27.928.018.765	3.087.264.000	-	-	2.053.414.331.122
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	145.035.785.639	(1.851.310.590)	972.610.486	-	-	144.157.085.535

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất sản phẩm thức ăn cho cá nước ngọt	Sản xuất sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm	Gia công sản xuất thức ăn cá	Bán nguyên liệu	Các khoản loại trừ	Cộng
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(17.551.008.668)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						126.606.076.867
Doanh thu hoạt động tài chính						2.979.847.399
Chi phí tài chính						(72.594.485.566)
Thu nhập khác						2.089.592.919
Chi phí khác						(797.212.576)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(4.751.463.243)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						160.941.339
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						53.693.297.139
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	36.705.576.825	977.837.925	-	-	-	37.683.414.750
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	16.488.477.934	338.289.723	254.685.814	-	-	17.081.453.471
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	1.229.366.225	-	-	-	-	1,229,366,225

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuê hoạt động

Công ty thuê đất đối với các diện tích đang sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động. Công ty phải trả tiền thuê đất, phí sử dụng hạ tầng cho các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê lại đất của Công ty đầu tư phát triển nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp trong thời gian 46 năm kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2002.
 - Tổng diện tích đất thuê 6.811 m²
 - Giá thuê 0,3 USD/ m²/năm
 - Phí sử dụng hạ tầng 0,25 USD/ m²/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty được giảm 50% tiền thuê đất trong 5 năm đầu tính từ ngày khởi công phân xưởng chính (ngày 24 tháng 12 năm 2002).

- Hợp đồng thuê lại đất, phí sử dụng hạ tầng của Công ty thương nghiệp xuất nhập khẩu tổng Hợp Đồng Tháp trong thời gian 45 năm kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2005.
 - Tổng diện tích đất thuê 63.971 m²
 - Giá thuê 0,3 USD/ m²/năm
 - Phí sử dụng hạ tầng 0,25 USD/ m²/năm

Công ty được giảm 100% tiền thuê đất trong 7 năm đầu tính từ ngày khởi công phân xưởng chính (ngày 10 tháng 10 năm 2005).

Tại thời điểm kết thúc quý 2, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	623.750.169	575.603.322
Trên 1 năm đến 5 năm	3.375.267.012	3.118.330.326
Trên 5 năm	35.807.969.244	34.041.714.032
Cộng	<u>39.806.986.425</u>	<u>37.735.647.680</u>

Sa Đéc, ngày 25 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ (30/06/2011)	Số đầu năm (01/01/2011)
	TÀI SẢN		
I	Tài sản ngắn hạn	614,005,604,625	711,585,229,677
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	84,840,570,444	186,441,619,295
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	227,039,081,890	264,864,617,369
4	Hàng tồn kho	292,183,117,473	254,835,087,702
5	Tài sản ngắn hạn khác	9,942,834,818	5,443,905,311
II	Tài sản dài hạn	208,788,691,943	169,163,206,265
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	205,122,789,292	166,527,811,285
	- Tài sản cố định hữu hình	174,332,547,765	137,412,447,212
	- Tài sản cố định vô hình	8,515,360,877	8,665,263,977
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22,274,880,650	20,450,100,096
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5	Tài sản dài hạn khác	3,665,902,651	2,635,394,980
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	822,794,296,568	880,748,435,942
	NGUỒN VỐN		
IV	Nợ phải trả	440,864,143,775	549,987,696,738
1	Nợ ngắn hạn	440,089,575,955	549,082,051,418
2	Nợ dài hạn	774,567,820	905,645,320
V	Vốn chủ sở hữu	381,930,152,793	330,760,739,204
1	Vốn chủ sở hữu	381,930,152,793	330,760,739,204
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	180,255,090,000	180,255,090,000
	- Thặng dư cổ phần	71,000,000,000	71,000,000,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	0	0
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	19,382,050,584	8,643,391,156
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	111,293,012,209	70,862,258,048
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	822,794,296,568	880,748,435,942

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2011

CHỈ TIÊU	Quý 2	Lũy kế (30/06/2011)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	822,483,134,497	1,480,879,726,172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14,761,811,364	26,909,654,678
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	807,721,323,133	1,453,970,071,494
4. Giá vốn hàng bán	723,662,189,294	1,302,233,876,580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84,059,133,839	151,736,194,914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2,071,151,337	5,276,892,066
7. Chi phí tài chính	8,794,988,850	48,747,820,707
8. Chi phí bán hàng	3,435,786,926	6,439,433,460
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,082,345,394	16,133,824,749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	61,817,164,006	85,692,008,064
11. Thu nhập khác	749,851,082	2,749,677,122
12. Chi phí khác	4,524,486	4,813,736
13. Lợi nhuận khác	745,326,596	2,744,863,386
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62,562,490,602	88,436,871,450
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6,189,960,283	7,666,240,102
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1,419,402,563)	(655,710,598)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57,791,932,882	81,426,341,946
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,206	4,517

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng

Sa Đéc, ngày 25 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Quang Hiến
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2011

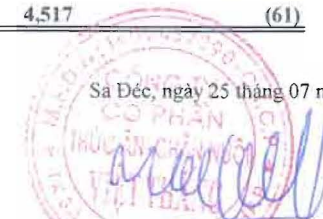
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	822,483,134,497	518,704,618,462	1,480,879,726,172	1,036,263,724,293
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	14,761,811,364	8,555,768,279	26,909,654,678	8,717,068,304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	807,721,323,133	510,148,850,183	1,453,970,071,494	1,027,546,655,989
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	723,662,189,294	484,260,613,918	1,302,233,876,580	978,195,219,401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84,059,133,839	25,888,236,265	151,736,194,914	49,351,436,588
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,071,151,337	274,152,688	5,276,892,066	640,689,799
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8,794,988,850	22,752,517,710	48,747,820,707	39,911,400,838
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7,357,470,167	9,873,918,943	13,816,484,966	14,171,592,412
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3,435,786,926	1,912,576,323	6,439,433,460	3,597,491,294
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12,082,345,394	3,908,076,043	16,133,824,749	8,199,760,396
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61,817,164,006	(2,410,781,123)	85,692,008,064	(1,716,526,141)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	749,851,082	1,106,735,474	2,749,677,122	1,348,693,492
12. Chi phí khác	32	VI.8	4,524,486	385,843,134	4,813,736	407,690,230
13. Lợi nhuận khác	40		745,326,596	720,892,340	2,744,863,386	941,003,262
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62,562,490,602	(1,689,888,783)	88,436,871,450	(775,522,879)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	6,189,960,283	10,479,821	7,666,240,102	332,597,945
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1,419,402,563)		(655,710,598)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		57,971,932,882	(1,700,368,604)	81,426,341,946	(1,108,120,824)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3,206	(94)	4,517	(61)



Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu



Huỳnh Văn Hoàng
Kế toán trưởng



Sa Đéc, ngày 25 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Quang Hiến
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

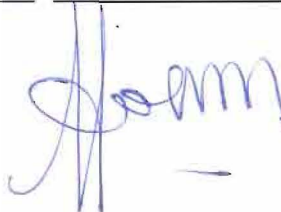
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	180,255,090,000	71,000,000,000	(537,779,112)	-	4,577,581,564	41,699,765,206	296,994,657,658
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	53,693,297,139	53,693,297,139
Trích lập các quỹ	-	-	-	2,032,904,796	2,032,904,796	(6,098,714,388)	(2,032,904,796)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	(18,025,509,000)	(18,025,509,000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(406,580,909)	(406,580,909)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	537,779,112	-	-	-	537,779,112
Số dư cuối năm trước	180,255,090,000	71,000,000,000	-	2,032,904,796	6,610,486,360	70,862,258,048	330,760,739,204
Số dư đầu năm nay	180,255,090,000	71,000,000,000	-	2,032,904,796	6,610,486,360	70,862,258,048	330,760,739,204
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	81,426,341,946	81,426,341,946
Trích lập các quỹ	-	-	-	5,369,329,714	5,369,329,714	(13,423,324,285)	(2,684,664,857)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	(27,038,263,500)	(27,038,263,500)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(534,000,000)	(534,000,000)
Số dư tại ngày 30/06/2011	180,255,090,000	71,000,000,000	-	7,402,234,510	11,979,816,074	111,293,012,209	381,930,152,793


 Nguyễn Ngọc Thắm
 Người lập biểu


 Huỳnh Văn Hoàng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quang Hiền
 Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 07 năm 2011

**“V/v: Giải trình biến động kết quả kinh doanh
quý 2/2011 so với cùng kỳ năm 2010”**

**Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM**

Theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, trường hợp kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, tổ chức niêm yết phải giải trình rõ nguyên nhân. Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng xin giải trình biến động kết quả kinh doanh quý 2/2011 so với cùng kỳ năm 2010 như sau:

Lợi nhuận trước thuế quý 2/2011 tăng 64,25 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2010 là do các nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu thuần quý 2/2011 tăng so với cùng kỳ năm 2010 là 297,57 tỷ đồng, trong khi giá vốn hàng bán chỉ tăng 239,40 tỷ đồng, làm lợi nhuận gộp quý 2/2011 tăng so cùng kỳ năm 2010 là 58,17 tỷ đồng (tăng 224,70%). Nguyên nhân chủ yếu do quý 2/2011 giá bán bình quân thuần thành phẩm tăng so với cùng kỳ năm 2010 là 25,91%, trong khi giá vốn bình quân chỉ tăng 18,68%.

- Chi phí tài chính quý 2/2011 giảm so với cùng kỳ năm 2010 là 13,96 tỷ đồng (tương đương giảm 61,34%). Nguyên nhân chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá giảm so cùng kỳ năm 2010 là 11,44 tỷ đồng và chi phí lãi vay giảm so cùng kỳ năm 2010 là 2,52 tỷ đồng. Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm do quý 2/2011 tỷ giá ổn định và biến động giảm so với quý 1/2011. Chi phí lãi vay giảm do trong quý 2/2011 tỷ trọng vay ngoại tệ cao so vay VNĐ nên chi phí lãi vay giảm.

- Chi phí bán hàng quý 2/2011 tăng so với cùng kỳ năm 2010 là 1,52 tỷ đồng (tăng 79,64%). Nguyên nhân chủ yếu do quý 2 năm 2011 sản lượng bán hàng tăng nên chi phí tăng theo, đồng thời do ảnh hưởng vật giá tăng và chi phí nhân viên tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 2/2011 tăng so với cùng kỳ năm 2010 là 8,17 tỷ đồng (tăng 209,16%). Nguyên nhân chủ yếu do quý 2 năm 2011 phát sinh khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 7,95 tỷ đồng.

Trên là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh quý 2/2011 tăng so với cùng kỳ năm 2010, xin giải trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM và các nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng !

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Hiền